UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 10337/TB-SKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ đăng ký đưa sản phẩm, dịch vụ vào Danh mục hỗ trợ theo Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND

Kính gửi: Các tổ chức, doanh nghiệp có sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ chuyển đổi số và phát triển thương mại điện tử

Căn cứ Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội; Quyết định số 135/2026/QĐ-UBND ngày 03/10/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố (sau đây gọi là Quyết định số 135); Sở Khoa học và Công nghệ thông báo việc tiếp nhận thường xuyên hồ sơ đăng ký đưa sản phẩm, dịch vụ vào Danh mục hỗ trợ theo khoản 4 Điều 5 Quyết định số 135 như sau:

1. Đối tượng và thời gian tiếp nhận

a) Đối tượng đăng ký là tổ chức, doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là nhà cung cấp) đáp ứng điều kiện đối với nhà cung cấp tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 135, có sản phẩm, dịch vụ đáp ứng điều kiện tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 135. Nhà cung cấp nghiên cứu các tài liệu tại mã QR cuối văn bản hoặc tại đường link sau: https://drive.google.com/drive/folders/1Q3KAvPlqo8kVpwOeVB_SXIlQYyfxRITs?usp=sharing.

b) Thời gian tiếp nhận: Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện thường xuyên theo khoản 4 Điều 5 Quyết định số 135. Trong giai đoạn đầu triển khai, để tập trung thẩm định và sớm bổ sung các sản phẩm, dịch vụ đủ điều kiện vào Danh mục hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ từ ngày ký Thông báo này đến hết ngày 30/11/2026. Sau khi hoàn thành thẩm định các hồ sơ đã tiếp nhận, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ thông báo thời gian tiếp nhận tiếp theo.

c) Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị và công bố Danh mục hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 135; được công bố, công khai trên Hệ thống cấp phiếu hỗ trợ tại mini app Hanoi Next trên nền tảng iHanoi theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 135.

d) Đối với hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo một lần để nhà cung cấp hoàn thiện, bổ sung. Quá 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo, trường hợp nhà cung cấp không bổ sung đầy đủ, hồ sơ sẽ được trả lại theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Quyết định số 135.

đ) Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ được thẩm định trong thời hạn 30 ngày (điểm c khoản 2 Điều 5 Quyết định số 135). Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, nhà cung cấp gửi văn bản giải trình trong 03 ngày làm việc kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo; quá thời hạn này, hồ sơ sẽ được trả lại (điểm đ khoản 2 Điều 5 Quyết định số 135).

2. Việc áp dụng vào các đợt hỗ trợ

Trong một năm, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ công bố các đợt hỗ trợ và cấp phiếu hỗ trợ theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 135. Thông tin chi tiết của từng đợt hỗ trợ sẽ được điều chỉnh, công bố phù hợp với yêu cầu thực tế. Hiện nay, Sở Khoa học và Công nghệ đã công bố đợt hỗ trợ đầu tiên theo Thông báo số 9858/TB-SKHCN ngày 01/11/2026 với các sản phẩm, dịch vụ được công bố tại Quyết định số 2246/QĐ-SKHCN ngày 01/11/2026 (***tại đường link, mã QR nêu tại điểm a mục 1***) và đang tiếp tục được bổ sung các sản phẩm, dịch vụ mới sau khi thẩm định đủ điều kiện. Sản phẩm, dịch vụ được đưa vào Danh mục hỗ trợ sẽ được đối tượng thụ hưởng lựa chọn khi đăng ký cấp phiếu kể từ thời điểm sản phẩm, dịch vụ đó công bố trên Hệ thống cấp phiếu hỗ trợ và trong thời gian tiếp nhận đăng ký của đợt hỗ trợ đang triển khai; không được sử dụng để đăng ký bổ sung vào phiếu hỗ trợ đã cấp, trừ trường hợp đối tượng thụ hưởng đăng ký thay thế sản phẩm, dịch vụ theo khoản 3, khoản 4 Điều 11 Quyết định số 135.

Đợt hỗ trợ thứ nhất tiếp nhận đăng ký cấp phiếu đến 17 giờ 00 ngày 04/12/2026 (trừ trường hợp được gia hạn) hoặc đến khi kinh phí của Đợt được phân bổ hết. Để sản phẩm, dịch vụ kịp thời được đối tượng thụ hưởng lựa chọn trong Đợt 1, nhà cung cấp nên nộp hồ sơ đầy đủ, chính xác sớm. Nhà cung cấp có sản phẩm, dịch vụ được lựa chọn có trách nhiệm bảo đảm các thời hạn xác nhận khả năng cung cấp, xác lập giao dịch, kích hoạt và gửi đề nghị xác nhận sử dụng theo Kế hoạch của đợt hỗ trợ. Đợt hỗ trợ thứ hai dự kiến sẽ công bố vào đầu năm 2027 sau khi được Thành phố phân bổ dự toán theo quy định.

3. Thành phần hồ sơ và biểu mẫu

a) Hồ sơ đăng ký lần đầu gồm:

- Mẫu 01: Đơn đăng ký (điểm a khoản 1 Điều 5 Quyết định số 135, theo Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Quyết định số 135). Thông tin tại Đơn là thông tin đề nghị công bố trong Danh mục hỗ trợ (khoản 3 Điều 5 Quyết định số 135), trừ thông tin về người đại diện theo pháp luật, đầu mối hồ sơ và tài khoản nhận thanh toán chỉ phục vụ quản lý;

- Mẫu 02: Bản thuyết minh về nhà cung cấp và tài liệu chứng minh (điểm c khoản 1 Điều 5 Quyết định số 135);

- Mẫu 03: Bản thuyết minh về sản phẩm, dịch vụ và tài liệu chứng minh (điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 135), mỗi sản phẩm độc lập lập 01 bản thuyết minh riêng.

Mỗi thông tin chỉ kê khai một lần: thông tin về nhà cung cấp, sản phẩm, dịch vụ, giá kê khai tại Đơn đăng ký; Bản thuyết minh chỉ nêu căn cứ và tài liệu chứng

minh việc đáp ứng điều kiện, không trình bày lại nội dung đã có tại Đơn. Tài liệu bắt buộc kèm theo hồ sơ chỉ bao gồm các tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4 Quyết định số 135. Mục II Mẫu 03 là nội dung tự nguyện, không phải thành phần hồ sơ bắt buộc, nhưng là căn cứ để xem xét mức hỗ trợ tối đa của sản phẩm, dịch vụ. Đơn đăng ký nộp kèm bản Word (.docx) để Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp thông tin công bố.

b) Đối với nhà cung cấp đã có tên trong Danh mục hỗ trợ, đăng ký bổ sung sản phẩm, dịch vụ:

- Tại Mẫu 01, ghi rõ nội dung "Đăng ký bổ sung" và mã nhà cung cấp đã được cấp;

- Tại Đơn, sản phẩm, dịch vụ đăng ký bổ sung ký hiệu SP1, SP2... như đăng ký lần đầu; mã sản phẩm, dịch vụ trong Danh mục hỗ trợ do Sở Khoa học và Công nghệ cấp tiếp theo mã đã công bố;

- Thành phần hồ sơ gồm Mẫu 01 (chỉ kê khai sản phẩm, dịch vụ đăng ký bổ sung), Mẫu 03 và tài liệu chứng minh điều kiện đối với sản phẩm, dịch vụ đăng ký bổ sung;

- Mẫu 02 chỉ kê khai mục 2 (quyền đối với sản phẩm, dịch vụ đăng ký bổ sung); các mục khác chỉ kê khai khi thông tin về nhà cung cấp có thay đổi so với hồ sơ đã nộp.

c) Việc kê khai nhóm giải pháp và lĩnh vực áp dụng thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông báo này.

d) Cách lập hồ sơ bổ sung

- Tập "Chung": tài liệu về nhà cung cấp và tài liệu dùng chung cho nhiều sản phẩm.

- Tập "SP1", "SP2"…: thuyết minh riêng của từng sản phẩm (mẫu 03) kèm theo tài liệu minh chứng. Công ty đặt mã SP1 – VNPT HKD, SP2 – VNPT Sổ bán hàng, SP3 – VNPT SmartCA, SP4 – VNPT Invoice POS, SP5 – VNPT IVAN, SP6 – VNPT Tingpay.

- Đối với gói sản phẩm, dịch vụ (gồm từ 02 sản phẩm, dịch vụ độc lập trở lên, theo khoản 2 Điều 3 Quyết định số 135/2026/QĐ-UBND): thuyết minh riêng (mẫu 03) cho từng gói.

4. Một số lưu ý trong quá trình kê khai hồ sơ

Để bảo đảm hồ sơ đầy đủ thông tin, thuận lợi cho quá trình thẩm định, nhà cung cấp cần lưu ý:

- Về cơ cấu sản phẩm, dịch vụ: nhà cung cấp có thể đề nghị đưa vào danh mục hỗ trợ theo 02 hình thức (1) sản phẩm, dịch vụ độc lập; và/hoặc (2) nhóm các sản phẩm, dịch vụ (combo tổng thể). Trong cả 02 hình thức, có thể kèm theo các quà tặng, khuyến mại, v.v. Một combo tổng thể sẽ được xem xét như một sản phẩm, dịch vụ độc lập; do đó, sau đây chỉ gọi chung là sản phẩm, dịch vụ. Combo tổng thể được kê khai tại Mục II Đơn đăng ký như một sản phẩm, dịch vụ với ký hiệu riêng (SPn), ghi rõ các sản phẩm, dịch vụ thành phần tại dòng "Thành phần

gói"; giá của combo kê khai tại Mục III. Các gói, phiên bản khác nhau về cấu hình, thời hạn của cùng một sản phẩm, dịch vụ được kê khai chung tại dòng "Tên, phiên bản" của sản phẩm đó, mỗi gói một dòng giá tại Mục III.

- Về giá sản phẩm, dịch vụ: Giá đề nghị đưa vào Danh mục hỗ trợ phải là giá được công khai và có căn cứ xác định, phải có giá cụ thể, không ghi "từ … đến … đồng"; là giá sau khi trừ các khoản giảm giá, chiết khấu, khuyến mại hoặc ưu đãi của nhà cung cấp, nếu có; đã bao gồm thuế và chi phí bắt buộc để sử dụng đầy đủ sản phẩm, dịch vụ; không cao hơn giá áp dụng cho khách hàng có điều kiện giao dịch tương đương tại cùng thời điểm. Quà tặng, khuyến mại phải được kê khai riêng, không quy đổi thành tiền để tính vào giá sản phẩm, dịch vụ. Tùy tính chất của sản phẩm, dịch vụ, giá được kê khai theo gói và thời hạn hoặc theo đơn giá và đơn vị tính (người dùng, tháng, buổi, thiết bị…).

- Về nhóm giải pháp: Mỗi nhóm giải pháp (S-, E-) được kê khai thành một dòng, gắn với chức năng cụ thể của sản phẩm, dịch vụ. Sản phẩm, dịch vụ có nhóm S- thuộc Danh mục hỗ trợ chuyển đổi số, có nhóm E- thuộc Danh mục phát triển thương mại điện tử, có cả hai thì thuộc cả hai Danh mục; khi đăng ký cấp phiếu, cùng một nội dung chi chỉ được ghi nhận hỗ trợ trên một loại phiếu (khoản 3 Điều 8 Quyết định số 135).

- Về năng lực cung cấp và hỗ trợ: Đầu mối hỗ trợ khách hàng, tiếp nhận phản ánh, khiếu nại kê khai tại Mục I; chế độ đào tạo, hướng dẫn, bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật của từng sản phẩm kê khai tại Mục II Đơn đăng ký (thông tin công bố). Nhân lực, quy trình tổ chức thực hiện và tài liệu chứng minh nêu tại mục 3, mục 4 Mẫu 02.

- Về đối tượng, phương thức cung cấp và xác nhận sử dụng: Đối tượng sử dụng gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Phương thức cung cấp, kết quả đầu ra và nội dung xác nhận sử dụng được mô tả phù hợp với tính chất của từng sản phẩm, dịch vụ; nội dung xác nhận sử dụng là căn cứ thanh toán khoản hỗ trợ.

- Về dữ liệu và an toàn thông tin: Nêu rõ nơi lưu trữ, xử lý dữ liệu người dùng. Trường hợp chuyển, lưu trữ, xử lý dữ liệu cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam, nộp hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu ra nước ngoài và tài liệu chứng minh đã thực hiện thủ tục theo pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Sản phẩm có chức năng trí tuệ nhân tạo nêu rõ mô hình sử dụng (tự phát triển hoặc của bên thứ ba) và việc thực hiện nghĩa vụ theo pháp luật về trí tuệ nhân tạo tại điểm b Phần I Mẫu 03.

- Về tài liệu chứng minh: Tài liệu chứng minh là bản sao có đóng dấu treo của nhà cung cấp; không bỏ trống các trường thông tin, nội dung không có thì ghi "Không có". Nhà cung cấp chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp pháp, còn hiệu lực của tài liệu minh chứng.

5. Phương thức và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, doanh nghiệp có sản phẩm, dịch vụ phù hợp thực hiện đăng ký và gửi hồ sơ theo các phương thức sau đây:

a) Đăng ký trực tuyến tại Hanoi Next: https://conghotro.hanoi.gov.vn/

b) Đồng thời gửi hồ sơ điện tử (gồm các văn bản được ký, đóng dấu theo quy định và tài liệu kèm theo) về thư điện tử: vanthu_sokhcn@hanoi.gov.vn; trường hợp dung lượng lớn, có thể gửi đường dẫn tải tệp. Tên tệp đặt như sau: 01_Don-dang-ky, 02_Thuyet-minh-NCC, 03_Thuyet-minh-SP; tài liệu chứng minh đặt tên theo cú pháp [Chung hoặc ký hiệu sản phẩm]_[nội dung viết không dấu], ví dụ Chung_Giay-phep-kinh-doanh.pdf, SP1_Bang-gia.pdf, và được ghi tại cột tài liệu của Bản thuyết minh.

c) Trường hợp văn bản không được ký số, đồng thời gửi hồ sơ bản giấy đến Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội, địa chỉ: số 185 Giảng Võ, thành phố Hà Nội.

Ngày nhận hồ sơ để tính thời hạn xử lý là ngày Sở Khoa học và Công nghệ nhận đủ hồ sơ điện tử theo điểm a và điểm b mục này.

Đầu mối hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình chuẩn bị, nộp hồ sơ đăng ký: Phòng Kinh tế số và Xã hội số, số điện thoại: 024 35121166.

Nhà cung cấp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của thông tin, tài liệu kê khai trong hồ sơ đăng ký.

Sở Khoa học và Công nghệ trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND Thành phố (*để b/c*);
- PCT UBND TP Trương Việt Dũng (*để b/c*);
- Các sở, ban, ngành Thành phố (*để p/h*);
- UBND các xã, phường (*để p/h*);
- Các hiệp hội, hội nghề nghiệp có liên quan;
- Cộng đồng doanh nghiệp Thủ đô;
- Các cơ quan báo chí TP (*để đưa tin*);
- Cổng thông tin điện tử TP (*để đăng tải*);
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở, Hanoi Next;
- Lưu: VT, KTS&XHS T.Phương.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Cù Ngọc Trang

Quét mã QR để xem, tải các văn bản, biểu mẫu kèm theo Thông báo

PHỤ LỤC

DANH MỤC NHÓM GIẢI PHÁP VÀ LĨNH VỰC KINH DOANH ÁP DỤNG

(Kèm theo Thông báo số /TB-SKHCN ngày tháng 11 năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Biểu số 01. DANH MỤC 23 NHÓM GIẢI PHÁP HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI SỐ (mã nhóm từ S-01 đến S-23, thuộc Danh mục hỗ trợ chuyển đổi số – CĐS)

Mã nhóm	Tên nhóm giải pháp	Chức năng chính
S-01	Kế toán, tài chính và quản trị dòng tiền	Kế toán tổng hợp; thu-chi; ngân hàng; công nợ; tài sản; chi phí; ngân sách; báo cáo tài chính; dòng tiền
S-02	Hóa đơn điện tử, chữ ký số và tuân thủ thuế	Lập/phát hành HĐĐT; hóa đơn từ máy tính tiền; ký số; kê khai thuế; lưu trữ chứng từ điện tử
S-03	Hợp đồng điện tử và giao dịch số	Soạn hợp đồng; luồng phê duyệt; ký điện tử; theo dõi trạng thái; nhắc hạn; lưu trữ; tra cứu
S-04	Bán hàng, đơn hàng và thanh toán	Báo giá; đơn hàng; POS; thanh toán QR; quản lý doanh thu; trả hàng; chính sách giá/khuyến mại
S-05	Mua hàng, nhà cung cấp, kho và công nợ	Yêu cầu mua; đơn mua; nhà cung cấp; nhập-xuất-tồn; nhiều kho; lô/hạn sử dụng; công nợ; cảnh báo tồn
S-06	Quản trị khách hàng và CRM	Lead; cơ hội bán hàng; hồ sơ khách; lịch sử giao dịch; pipeline; nhắc việc; CSKH; phản hồi; loyalty cơ bản
S-07	Nhân sự, chấm công, tiền lương và năng suất	Tuyển dụng; hồ sơ; hợp đồng lao động; chấm công; ca làm; lương; KPI; đánh giá; đào tạo
S-08	Công việc, dự án và quản lý tiến độ	Giao việc; deadline; dự án; milestone; phối hợp nhóm; timesheet; báo cáo tiến độ; cảnh báo chậm việc
S-09	Quy trình số và phê duyệt điện tử	Số hóa đề nghị-phê duyệt; mua sắm; thanh toán; nghỉ phép; công tác; đề xuất; workflow; SLA; nhật ký xử lý
S-10	Văn phòng số, tài liệu và quản trị tri thức	Lưu trữ tài liệu; biểu mẫu; văn bản nội bộ; tìm kiếm; chia sẻ; phiên bản; tri thức; truyền thông nội bộ
S-11	Sản xuất, định mức và quản lý lệnh sản xuất	BOM/định mức; kế hoạch và lệnh sản xuất; nguyên liệu; WIP; thành phẩm; năng suất; giá thành; tiến độ
S-12	Chất lượng, lô hàng và truy xuất sản xuất	Quản lý QC/QA; lô; nguyên liệu; nhật ký sản xuất; tiêu chuẩn; chứng nhận; lỗi; QR truy xuất nội bộ
S-13	Quản lý dự án/công trình, hợp đồng và nghiệm thu	Dự toán; tiến độ; hồ sơ công trình; vật tư; nhà thầu; biên bản; nghiệm thu; thanh quyết toán; chi phí theo dự án
S-14	Vận tải, giao nhận và quản lý đội xe	Xe; tài xế; chuyến; lệnh vận chuyển; lịch trình; chi phí chuyến; nhiên liệu; bảo dưỡng; giao nhận; đối soát
S-15	Đặt lịch, đặt chỗ và quản lý công suất dịch vụ	Booking; lịch hẹn; phòng/chỗ; công suất; xếp lịch nhân viên; nhắc lịch; tiền cọc; thanh toán
S-16	Báo cáo quản trị, Dashboard và Business Intelligence	Kết nối dữ liệu; dashboard; KPI; doanh thu; lợi nhuận; tồn kho; công nợ; năng suất; phân tích theo đơn vị/sản phẩm
S-17	Tích hợp dữ liệu và tự động hóa quy trình	Kết nối phần mềm; API; đồng bộ dữ liệu; tích hợp CRM-kế toán-HRM-POS; RPA; workflow tự động
S-18	An toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và sao lưu	Antivirus/EDR; MFA; quản lý tài khoản; sao lưu cloud; khôi phục dữ liệu; bảo vệ email; cảnh báo; đào tạo ATTT
S-19	AI trợ lý công việc và nâng cao năng suất	Soạn thảo; tổng hợp; dịch; phân tích tài liệu; tạo nội dung; hỏi đáp dữ liệu; hỗ trợ báo cáo; trợ lý nghiệp vụ
S-20	AI Agent và tự động hóa nghiệp vụ thông minh	AI Agent nhận nhiệm vụ, truy xuất dữ liệu, thực hiện chuỗi hành động và phối hợp nhiều hệ thống; agent bán hàng; CSKH; tuyển dụng; kế toán; mua hàng; trợ lý quản lý; agent xử lý hồ sơ

Mã nhóm	Tên nhóm giải pháp	Chức năng chính
S-21	Hạ tầng số	Cung cấp hạ tầng kết nối Internet tốc độ cao (Băng rộng, Leased line); Hạ tầng điện toán đám mây (Cloud Server/VPC); Dịch vụ Tên miền (Domain); Giải pháp Tổng đài thoại doanh nghiệp (Voice IP/Voice Brandname); Dịch vụ Tin nhắn thương hiệu (SMS Brandname); Dịch vụ Camera giám sát thông minh (Cloud Camera AI) và Hạ tầng truyền dẫn dữ liệu an toàn phục vụ vận hành, chuyển đổi số doanh nghiệp
S-22	Tư vấn và đào tạo chuyển đổi số (dịch vụ phi nền tảng)	Đánh giá mức độ chuyển đổi số; tư vấn lộ trình, lựa chọn giải pháp; tư vấn chuẩn hóa quy trình, dữ liệu; đào tạo chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp và người trực tiếp sử dụng; đào tạo kỹ năng số cơ bản; xây dựng học liệu số; hướng dẫn, kèm cặp tại cơ sở; đào tạo lại; đánh giá kết quả sau đào tạo
S-23	Khác	Sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ chuyển đổi số khác không thuộc các nhóm nêu trên; nhà cung cấp mô tả rõ công dụng, tính năng chính, đối tượng sử dụng và đề xuất nhóm giải pháp tương ứng

Biểu số 02. DANH MỤC 14 NHÓM GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (mã nhóm từ E-01 đến E-14, thuộc Danh mục phát triển thương mại điện tử – TMĐT)

Mã nhóm	Tên nhóm giải pháp	Chức năng chính
E-01	Thiết lập và quản lý gian hàng trên sàn TMĐT	Khởi tạo/chuẩn hóa gian hàng; quản lý sản phẩm; hình ảnh, mô tả; đơn hàng; thanh toán; kết nối vận chuyển
E-02	Website và gian hàng trực tuyến riêng	Website bán hàng; catalogue; giỏ hàng; đặt hàng; thanh toán; quản trị nội dung; tên miền; SSL
E-03	Bán hàng qua mạng xã hội và Livestream Commerce	Quản lý Facebook/Zalo/TikTok; livestream; comment/inbox; chốt đơn; tạo đơn; CSKH
E-04	Quản lý bán hàng đa kênh - Omnichannel	Đồng bộ sàn, website, social và cửa hàng; sản phẩm; giá; tồn kho; đơn hàng; khách hàng
E-05	Sản xuất nội dung số và quảng bá sản phẩm	Tạo ảnh/video; catalogue số; mô tả sản phẩm; nội dung MXH; landing page; hỗ trợ quảng bá
E-06	CRM, Loyalty và Marketing Automation	Quản lý hồ sơ khách hàng; lịch sử mua; phân nhóm; loyalty; voucher; email/SMS/Zalo; chăm sóc tự động
E-07	AI, Chatbot và AI Agent hỗ trợ bán hàng	Chatbot 24/7; AI tư vấn/chốt đơn; trả lời khách hàng; gợi ý sản phẩm; tạo nội dung; kết nối CRM/đơn hàng
E-08	Truy xuất nguồn gốc và hồ sơ sản phẩm số	Quản lý lô; QR; hồ sơ sản phẩm; nhật ký sản xuất; thông tin nguồn gốc; công bố thông tin
E-09	Logistics số và quản lý giao nhận	Tạo vận đơn; kết nối hãng vận chuyển; tracking; đối soát COD; quản lý hàng hoàn; phí vận chuyển
E-10	Phân tích dữ liệu và tối ưu hiệu quả TMĐT	Dashboard; doanh thu/lợi nhuận; conversion; quảng cáo; tỷ lệ hoàn; phân tích khách hàng; AI analytics
E-11	Kinh doanh dịch vụ, đặt lịch, đặt chỗ và phân phối trực tuyến	Booking; đặt lịch; vé điện tử; quản lý phòng/chỗ/công suất; thanh toán; kết nối kênh phân phối
E-12	Xuất khẩu qua nền tảng TMĐT xuyên biên giới	Gian hàng quốc tế; catalogue đa ngôn ngữ; thanh toán quốc tế; logistics xuyên biên giới; hỗ trợ tuân thủ

Mã nhóm	Tên nhóm giải pháp	Chức năng chính
E-13	Tư vấn và đào tạo phát triển thương mại điện tử (dịch vụ phi nền tảng)	Tư vấn phát triển kênh bán hàng trên sàn thương mại điện tử; tư vấn quảng cáo, tiếp thị trên môi trường số; tư vấn xây dựng nội dung và hình ảnh sản phẩm; đào tạo kỹ năng bán hàng trực tuyến, kỹ năng livestream; tư vấn vận hành gian hàng, chăm sóc khách hàng; đào tạo xuất khẩu trực tuyến
E-14	Khác	Sản phẩm, dịch vụ phát triển thương mại điện tử khác không thuộc các nhóm nêu trên; nhà cung cấp mô tả rõ công dụng, tính năng chính, đối tượng sử dụng và đề xuất nhóm giải pháp tương ứng

Ghi chú: Sản phẩm, dịch vụ có nhiều chức năng được đăng ký vào nhiều nhóm giải pháp, kể cả đồng thời thuộc Biểu số 01 và Biểu số 02; mỗi nhóm giải pháp được kê khai thành một dòng tại dòng "Nhóm giải pháp, lĩnh vực áp dụng" Mục II Đơn đăng ký (Mẫu 01).

Biểu số 03. DANH MỤC 09 NHÓM LĨNH VỰC KINH DOANH ÁP DỤNG (dùng để ghi số thứ tự lĩnh vực kinh doanh áp dụng)

TT	Nhóm lĩnh vực kinh doanh
1	Bán lẻ, thương mại, phân phối
2	Nhà hàng, dịch vụ ăn uống, thực phẩm
3	Dịch vụ (làm đẹp, sửa chữa, giáo dục, tư vấn, chăm sóc và dịch vụ khác)
4	Sản xuất, chế biến, thủ công quy mô nhỏ
5	Xây dựng, thi công, lắp đặt, dịch vụ kỹ thuật
6	Vận tải, giao nhận, logistics
7	Du lịch, lưu trú, trải nghiệm
8	Nông nghiệp, thực phẩm, sản phẩm OCOP
9	Khác (nhà cung cấp ghi rõ lĩnh vực kinh doanh áp dụng)

Ghi chú: Trường hợp sản phẩm, dịch vụ áp dụng cho mọi lĩnh vực kinh doanh thì ghi "Tất cả". Trường hợp áp dụng cho nhiều lĩnh vực thì ghi các số thứ tự tương ứng, cách nhau bằng dấu phẩy.